

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/LĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phương;
- Ông Trịnh Minh Tường.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-LĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh T; hiện cư trú tại: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S. Địa chỉ trụ sở: Số H, Đường số A, K, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ chi nhánh: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh T;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Dương Quang M, sinh năm 1970, địa chỉ: Số D Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28-3-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Tháng 7 năm 2022 chị thỏa thuận giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói với nhân viên bộ phận nhân sự Công ty TNHH S. Nội dung làm việc tại bộ phận tổ lựa phôi, công việc chính là lựa phôi, địa điểm làm việc tại Chi nhánh Công ty TNHH S - Nhà máy A, địa chỉ: tổ G, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh T; không có thời gian thử việc, mức lương cơ bản 4.500.000 đồng/tháng, ngoài ra còn phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác như: chuyên cần, tiền ăn, làm thêm giờ... Thời gian làm việc 08 tiếng/ngày, từ thứ 2 đến thứ 7, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ, nghỉ ngày Chủ nhật và các ngày lễ khác trong năm theo quy định. Các bên không thỏa thuận việc tham gia bảo hiểm, khen thưởng kỷ luật, quyền lợi gì khác.

Công ty trả lương cho công nhân vào ngày 10 hàng tháng, hình thức thanh toán tiền mặt và Công ty có dán thông báo bảng tính công của từng công nhân để đối chiếu. Khi trả lương, mỗi công nhân sẽ nhận được một tờ giấy ghi chi tiết ngày công, số tiền lương, tiền làm thêm giờ, tiền ăn... và tổng số tiền lương được nhận của tháng đó, không có người ký tên và không đóng dấu mộc Công ty. Công ty không niêm yết, thông báo cho mọi người biết bảng lương của từng công nhân.

Trong thời gian lao động chị không yêu cầu và các bên cũng không thỏa thuận việc ký hợp đồng lao động. Khi chấm dứt hợp đồng lao động, các bên không thông báo với nhau bằng văn bản, nhưng khoảng 10 ngày trước khi nghỉ việc chị có thông báo bằng lời nói cho tổ trưởng tổ lựa phôi biết. Chị làm việc tại Công ty từ ngày tháng 7 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023 chị làm được hai ngày thì nghỉ việc. Lý do Công ty nợ tiền lương tháng 10, 11 năm 2023 và ngừng hoạt động từ tháng 12 năm 2023. Số tiền lương Công ty còn nợ cụ thể: tháng 10 năm 2023 là 4.995.000 đồng, đã tạm ứng 1.000.000 đồng, còn lại 3.995.000 đồng; tháng 11 năm 2023 là 3.048.000 đồng; tháng 12 năm 2023 là 400.000 đồng; tổng cộng 7.453.000 đồng, làm tròn 7.400.000 đồng.

Chị yêu cầu Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả cho chị tiền lương tháng 10, 11 năm 2023 tổng cộng 7.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị rút yêu cầu khởi kiện Công ty về việc trả tiền lương 02 ngày làm việc tháng 12 năm 2023 số tiền 400.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 13, 90 của Bộ luật Lao động; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, buộc Công ty TNHH S trả cho chị Lê Thị T tiền lương tháng 10, 11 năm 2023 là 7.000.000 đồng.

Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị T khởi kiện Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở tại: Số H, Đường số A, K, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu trả tiền lương lao động. Xét thấy hợp đồng lao động phát sinh từ hoạt động của chi nhánh Công ty TNHH S - Nhà máy A có địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh T. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi có chi nhánh của Công ty giải quyết tranh chấp. **Căn** cứ Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[1.3] Việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện: quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty TNHH S trả tiền lương hai ngày làm việc của tháng 12 năm 2023, số tiền 400.000

đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Bị đơn có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[2.2] Xét hợp đồng lao động, chị T trình bày các bên thỏa thuận giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói, không thể hiện bằng văn bản và cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 02 “Bảng lương CB-CNV” thể hiện chi tiết tiền lương tháng 10, 11 năm 2023 giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH S – Nhà máy A và người lao động có chữ ký của ông Cao Minh H, chị Đinh Thị Kim T2. Trong đó tại vị trí số thứ tự 93 (tháng 10), số thứ tự 72 (tháng 11) thể hiện tên người lao động T. Quá trình giải quyết vụ án, chị T2 trình bày chị làm việc tại vị trí kế toán Nhà máy A thời gian từ tháng 02-2023 đến tháng 12-2023 và tại các biên bản làm việc giữa Bảo hiểm Xã hội huyện T với Chi nhánh Công ty TNHH S – Nhà máy A thể hiện đại diện Công ty là ông Cao Minh H – Chức vụ Phó giám đốc. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai người làm chứng xác định chị T có làm việc tại Nhà máy A trong bộ phận tổ lựa phôi từ tháng 7 năm 2022 đến khi Công ty ngừng hoạt động tháng 12-2023. Như vậy có đủ căn cứ xác định chị T có làm việc tại Công ty TNHH S – Nhà máy A, việc giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói giữa các bên là sự thật.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T thấy rằng: căn cứ bảng lương do chị T cung cấp thể hiện các bên thỏa thuận mức lương cơ bản là 4.500.000 đồng/tháng (tương đương 26 ngày làm việc). Tháng 10-2023, thời gian làm việc 21,5 ngày tiền lương là 4.135.000 đồng, phụ cấp tiền cơm 460.000 đồng, tiền chuyên cần 400.000 đồng; tổng cộng 4.995.000 đồng. Tháng 11-2023, thời gian làm việc 14,5 ngày, tiền lương là 2.788.000 đồng, phụ cấp tiền cơm 260.000 đồng, tổng cộng 3.048.000 đồng. Tổng cộng tiền lương làm việc tháng 10, 11 năm 2023 của chị T là 8.053.000 đồng, đã ứng trước 1.000.000 đồng, Công ty S còn nợ chị số tiền 7.053.000 đồng, nhưng chị chỉ yêu cầu Công ty trả cho chị 7.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai người làm chứng xác định Chi nhánh Công ty TNHH S – Nhà máy A không hoạt động sản xuất, kinh doanh từ tháng 12 năm 2023 và không trả lương cho người lao động

từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy Công ty TNHH S vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng lao động, trả lương không đúng thời hạn, không trả đủ lương cho người lao động. Căn cứ các Điều 90, 95, 97 của Bộ luật Lao động, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả cho chị T tiền lương còn nợ của tháng 10, 11 năm 2023 là 7.000.000 đồng, ghi nhận chị T không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 12, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Công ty TNHH S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị T là người lao động khởi kiện đòi tiền lương, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 13, 90, 95, 97 của Bộ luật Lao động và các Điều 12, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động”.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị T tiền lương tháng 10 năm 2023 là 3.995.000 đồng, tiền lương tháng 11 năm 2023 là 3.005.000 đồng; tổng cộng số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng; ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn S có nghĩa vụ trả tiền lương hai ngày làm việc tháng 12 năm 2023, số tiền là 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

Chị T được quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Chị Lê Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy